

Bản án số: 174/2024/DS-PT

Ngày: 30-7-2024

V/v tranh chấp yêu cầu bồi thường
thành quả lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai;

Ông Đào Chí Keo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu bồi thường thành quả lao động*”.

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 161/2024/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số B, tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H:* Ông Hồ Trung C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang đại diện theo giấy ủy quyền được Văn phòng C2, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/5/2023.

2. Bị đơn: Ông Chau E, sinh năm 1942; Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Chau E:* Ông Chau M, sinh năm

1957. Địa chỉ: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang đại diện theo Hợp đồng ủy quyền do Văn Phòng C3 công chứng số 427, quyền số 11/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/5/2023

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Chau Eo*: Bà Phạm Thanh Ái D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Chau Vít T-Đài Phát thanh và truyền hình An Giang

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hòa

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* *Nguyên đơn bà Phạm Thị H do ông Hồ Trung C là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:*

Vào năm 1990, bà H có mua một phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T1 với giá 03 chỉ vàng 24 kara, trên đất có một số cây ăn trái nhưng không có nhà nên bà H đã di dời nhà từ nơi khác về cất trên đất. Đến năm 1998, do nhà bị xuống cấp nên bà H có mua vật tư về định sửa lại nhà thì gia đình ông Chau E ra ngăn cản cho rằng đây là đất của ông. Do, nghĩ cất nhà mà có tranh chấp thì không may mắn nên bà H ký hợp đồng thuê đất với ông E thời hạn 03 năm với giá 01 chỉ vàng 24kara. Đến năm 2001 bà H đến gặp ông E đề nghị trả cho bà 0 chỉ vàng 24kara thì bà sẽ dỡ nhà trả đất cho ông E, nhưng ông E không đồng ý. Sau đó, ông E khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà H diện tích khoảng 1.000m² và đã được Tòa án 02 cấp xét xử, kết quả bà H được sử dụng 332,3m² và trả lại ông E 595,4m² hiện nay ông E được cấp giấy. Trong quá trình giải quyết tranh chấp với ông E tại hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà H không yêu cầu giải quyết bồi thường thành quả lao động của 1.000m² đất hiện nay do ông E đang quản lý sử dụng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông E phải trả số tiền 500.000.000 đồng là chi phí tôn tạo, nâng cấp giá trị đất trên diện tích khoảng 1.000m².

* *Bị đơn không có yêu cầu phản tố, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn có ông Chau M trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất diện tích 3.949,6m² do ông Chau E quản lý, sử dụng từ năm 1973, được thừa kế từ gia đình và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04484 ngày 28/10/2003 đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn B. Vào ngày 29/9/1998, bà H có thỏa thuận lập tờ thuê đất được ông E chấp nhận, hai bên thống nhất lập tờ mượn đất từ năm 1998 – năm 2006 hết thời hạn thuê đất bà H không trả lại phần diện tích đã thuê mà tiếp tục xây dựng

mái che tạm mở quán bán cà phê nên ông E đã khởi kiện tranh chấp. Vụ án đã được Tòa án các cấp xét xử: “bà H được tiếp tục sử dụng 263,1m², diện tích còn lại 332,3m² và 47,7m² đất thổ cư thuộc về ông E. Bà H còn phải trả cho ông E giá trị diện tích 263,1m² với số tiền 500.000.000 đồng”. Nay, bà H yêu cầu ông E phải bồi thường 500.000.000 đồng là chi phí đổ đất, san lấp, tôn tạo 1000m² đất thì ông E không đồng ý. Ngoài ra, ông E cho biết quá trình thuê đất bà H còn nợ tiền thuê đất và tự ý chặt 01 (một) cây thị lớn khoảng 50 năm tuổi và cây vú sữa khoảng 45 năm tuổi để bán trị giá khoảng 30.000.000 đồng. Do đó, ông E yêu cầu bà H phải trả tiền thuê đất còn nợ và bồi thường 30.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về tranh chấp yêu cầu bồi thường thành quả lao động với số tiền 500.000.000 đồng đối với ông Chau E.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 7.400.000 đồng. Ghi nhận bà H đã thanh toán xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 20/4/2024, nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Xem xét, giải quyết lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Hồ Trung C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ yêu cầu kháng cáo; có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận công sức của bà H, trong trường hợp nhận thấy chưa đủ căn cứ thì đề nghị thực hiện cho giám định lại để xác định bà H có bồi đắp, tôn tạo làm tăng giá trị của đất không phải yêu cầu bồi hoàn thành quả lao động, trường hợp không thực hiện giám định lại thì yêu cầu áp dụng Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định công sức của bà H làm tăng giá trị đất như hiện nay với số tiền là 500.000.000 đồng

+ Ông Chau M là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Chau E không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đòi bồi thường số tiền 500.000.000 đồng.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thanh Á D trình bày: Qua hai bản án của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, bản án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thông báo không chấp nhận kháng

ngợi Giám đốc thẩm đã giải quyết và quyết định nên đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H buộc bị đơn bồi thường số tiền 500.000.000 đồng hoàn toàn không có cơ sở chứng minh nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H kháng cáo trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày năm 1990, bà H nhận chuyển nhượng một phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Lê Thị T1 với giá 03 chỉ vàng 24 kara, trên đất có một số cây ăn trái nhưng không có nhà nên bà H đã di dời nhà từ nơi khác về cất trên đất. Đến năm 1998, bà H mua vật tư về sửa lại nhà thì gia đình ông Chau E ngăn cản, cho rằng đây là đất của ông Chau E. Cũng trong năm 1998, bà H ký hợp đồng thuê lại đất với ông E thời hạn 03 năm với giá 01 chỉ vàng 24 kara. Đến năm 2001, bà H đến gặp ông E đề nghị trả cho bà 0 chỉ vàng 24 kara thì bà sẽ dỡ nhà, trả đất cho ông E, nhưng ông E không đồng ý nên giữa các bên đã phát sinh tranh chấp

[2.2] Bà H xác định vào thời điểm giải quyết tranh chấp thì bà H chưa có yêu cầu giải quyết bồi thường công sức của bà đổ đất làm tăng giá trị của 1.000m² đất mà hiện nay do ông Chau E đang quản lý, sử dụng. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông E phải trả số tiền 500.000.000 đồng là chi phí tôn tạo, nâng cấp giá trị đất trên diện tích 1.000m².

[2.3] Phía bị đơn không thống nhất với trình bày của bà H mà xác định nguồn gốc đất ông Chau E nhận thừa kế từ gia đình và diện tích 3.949,6m² được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04484 ngày 28/10/2003 đất tọa lạc tại khóm A, thị trấn B. Vào ngày 29/9/1998, bà H có thỏa thuận lập tờ thuê đất được ông E chấp nhận, hai bên thống nhất lập tờ mượn đất từ năm 1998 đến năm 2006 hết thời hạn thuê đất nhưng bà H không trả lại phần diện

tích đất đã thuê mà tiếp tục xây dựng mái che tạm mở quán bán cà phê nên ông E mới khởi kiện tranh chấp.

[2.4] Hội đồng xét thấy, giữa các đương sự thống nhất đối với vị trí khu đất hiện nay bà H yêu cầu bồi thường thành quả thì bản án sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết tranh chấp về việc: “Đòi tài sản QSDĐ, hợp đồng thuê đất, di dời nhà và vật kiến trúc trên đất, hủy giấy chứng nhận QSDĐ, xác lập quyền sử dụng đất”; Bản án phúc thẩm số: 411/2022/DS-PT, ngày 21/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc: “Tranh chấp QSDĐ, hủy giấy chứng nhận QSDĐ” và Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 75/TB-TA ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, giữa nguyên đơn ông Chau E và bị đơn bà Phạm Thị H. Hai bên tranh chấp diện tích chỉ có 594,4m² đất, theo kết quả giải quyết của các bản án thì bà H được sử dụng 263,1m², diện tích 332,3m² bà H có trách nhiệm trả lại ông Chau E và bà H phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 500.000.000 đồng cho ông Chau E.

[2.5] Căn cứ vào hồ sơ cũng như các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp thì bà H không chứng minh được khối lượng cát, đá đê san lấp với khối lượng 1.000m³ trên diện tích đất 1.000m². Giữa các bên khi phát sinh tranh chấp chỉ có diện tích 594,4m² đất, không phải là diện tích 1.000m², bà H nại ra diện tích tranh chấp còn vị trí phía sau là không có cơ sở, đối với yêu cầu khởi kiện của bà H là không phù hợp.

[2.6] Bà H cung cấp thông tin người chở đất nên ngày 14/11/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh lời khai của những người làm chứng bà Nguyễn Thị L vợ của ông Nguyễn Văn T2 (đã chết); Ngày 06/12/2023, Tòa án tiến hành xác minh thu thập lời khai của những người sống tại địa phương và biết hiện trạng đất là ông Lê Minh H1 - Trưởng nhóm A cung cấp thông tin “vị trí đất bà H đang ở, trước đây thấp hơn mặt đường khoảng 01m và biết bà H có đồ đất ước lượng khoảng 100 xe đất đê đôn nền cát nhà bà H đang ở hiện nay”, lời khai thể hiện nguồn cát, đất bà H tôn tạo chỉ để đắp nền nhà tại vị trí bà H cất nhà đang ở, không có căn cứ nào xác định hay thể hiện giá trị cát, đất bà H tôn tạo là 1.000m² ở vị trí khác.

[2.7] Tại phiên tòa, ông C là người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu thực hiện lại việc giám định nhưng nhận thấy tại cấp sơ thẩm bà H cũng không cung cấp được khối lượng và nguồn gốc từ đâu nên Công ty Cổ phần T3 có thông báo về việc từ chối thẩm định giá ngày 22/02/2024, “lý do khách hàng không cung cấp được nguồn gốc đất cải tạo, san lấp được lấy từ đâu và cũng không xác định được khối lượng số đất đã cải tạo là bao nhiêu nên Công ty không có căn cứ để thẩm định”. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H không cung cấp hay xác định được khối lượng cát, đất bà đổ là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với ý kiến của ông C đề nghị giám định lại. Cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở.

[2.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới mà yêu cầu áp dụng Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 đề yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà H là không phù hợp với nội dung, quan hệ tranh chấp của vụ án. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị H.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do, kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Hòa

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về tranh chấp yêu cầu bồi thường thành quả lao động với số tiền 500.000.000 đồng đối với ông Chau E.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phạm Thị H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 7.400.000 đồng. Ghi nhận bà H đã thanh toán xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Ông Chau E không phải chịu án phí, chi phí tố tụng khác.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THA-DS huyện Tri Tôn;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy

